

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Linh

Giảng viên hướng dẫn: ThS Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Thùy Linh

Giảng viên hướng dẫn : ThS Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Linh

Mã SV:1412407028

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ
phân xây dựng số 1

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1
 - Đánh giá ưu nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1, trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
3. Sơ đồ và sử dụng số liệu năm 2017
4. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần xây dựng số 1

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 24 tháng 12 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 04 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CÁC CƠ SỞ, VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Các vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Khái niệm và đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu	2
1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong các công ty xây dựng	3
1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.....	3
1.2 Phân loại và cách tính giá nguyên vật liệu trong công ty xây dựng.....	4
1.2.1 Phân loại.....	4
1.2.2 Cách tính giá và xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho	5
1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	7
1.3.1 Phương pháp thẻ song song	8
1.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	9
1.3.3 Phương pháp sổ số dư.....	11
1.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	13
1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	13
1.4.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì.....	17
1.5.. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	20
1.5.1 Hình thức nhật kí chung	20
1.5.2 Hình thức nhật kí - sổ cái.....	21
1.5.3 Hình thức chứng từ ghi sổ	22
1.5.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính	24
1.6 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25
CHƯƠNG II.....	28
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1	28
2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần xây dựng số 1	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	28
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh.....	29
2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty	30
2.2.3 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1	51

CHƯƠNG 3	54
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1	54
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1	54
3.1.1. Ưu điểm.....	54
3.1.2. Hạn chế.....	55
3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1	56
3.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán.....	56
3.2.2. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư	60
3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	63
3.2.4. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	64
KẾT LUẬN.....	68
TÀI LIỆU THAM KHẢO	69

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	9
Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	10
Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư	12
Sơ đồ 1.4 : Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	19
Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.	21
Sơ đồ 1.7 :Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái.....	22
Sơ đồ 1.8 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	24
Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	25
Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty :	30
Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán của công ty	31
Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung	32
Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song	35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1.....	37
Biểu số 2.2.....	38
Biểu số 2.3.....	39
Biểu số 2.4:.....	40
Biểu số 2.5: (Trích thẻ kho xi măng Hải Phòng)	41
Biểu số 2.6.....	42
Biểu số 2.7.....	44
Biểu số 2.8.....	45
Biểu số 2.9.....	46
Biểu số 2.10.....	47
Biểu số 2.11.....	48
Biểu số 2.12.....	49
Biểu số 2.13.....	50
Biểu số 2.14: (Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2017)	52
Biểu số 2.15.....	53
Biểu số 3.3: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	66
Biểu 3.2	63
Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư	62

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay khi điều kiện kinh tế ngày càng đi lên, ngành xây dựng hơn bao giờ hết chiếm một vị trí chủ đạo trong công cuộc tạo dựng cơ sở hạ tầng của đất nước.

Trong hầu hết các Công ty xây dựng, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình. Do đó muốn tối đa hóa lợi nhuận bên cạnh việc sử dụng đủ, tiết kiệm và hiệu quả nguyên vật liệu thì kế toán cần hạch toán và quản lý đúng. Như vậy có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là cần thiết và quan trọng.

Xuất phát từ những lý do trên, đồng thời qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng số 1 em cũng có cơ hội tìm hiểu đi sâu vào thực tế và nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Với những kiến thức được học tại nhà trường cùng sự giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ công nhân viên, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của giảng viên Nguyễn Thị Mai Linh, em đã chọn nghiên cứu đề tài : ***“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1”***

Về kết cấu của bài luận, ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài chia làm ba chương :

Chương I : *Các cơ sở, vấn đề lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các công ty xây dựng.*

Chương II : *Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1.*

Chương III : *Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1.*

Do thời gian thực tập tại công ty cổ phần xây dựng số 1 không nhiều và kiến thức thực tế còn có hạn, bài luận văn của em chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý cũng như thông cảm của thầy cô để bài luận văn của em được hoàn thiện hơn cũng như rút được kinh nghiệm để làm việc thực tế sau này.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Giảng viên ThS Nguyễn Thị Mai Linh đã tận tình hướng dẫn cùng các công nhân viên trong công ty cổ phần xây dựng số 1 đã giúp e hoàn thành bài luận văn này

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I

CÁC CƠ SỞ, VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Các vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.1.1 *Khái niệm và đặc điểm, vai trò của nguyên vật liệu****Khái niệm:**

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động do doanh nghiệp mua ngoài hoặc tự chế biến, dự trữ để phục vụ quá trình sản xuất, kinh doanh.

Nguyên vật liệu khi đưa vào phục vụ sản xuất, kinh doanh sẽ được chuyển toàn bộ giá trị trực tiếp vào sản phẩm, là một trong những yếu tố cơ bản nhất trong sản xuất kinh doanh và cũng là cơ sở để tính giá thành.

***Đặc điểm :**

Về mặt nội dung : Nguyên liệu đặc trưng của ngành xây dựng như : vôi, cát, xi măng, đá, gạch.... thường có sự khác biệt lớn so với các ngành khác còn lại. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, nó thường tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình dáng bên ngoài để tạo thành hình thái sản phẩm.

Về mặt giá trị : Giá trị của nguyên vật liệu cần thiết để xây dựng cho một công trình sản phẩm thường rất lớn, khi tham gia vào quá trình sản xuất, nó thường được tính vào giá trị của sản phẩm.

Về mặt khối lượng : Khối lượng nguyên vật liệu sử dụng trong doanh nghiệp, công ty xây dựng rất lớn, thường tính bằng khối, tấn, các đơn vị đo lường lớn.

***Vai trò :**

Nguyên vật liệu là một loại hàng tồn kho được dự trữ để đáp ứng cho nhu cầu của quá trình sản xuất trong kỳ của doanh nghiệp. Nguyên vật liệu là thành phần thuộc về vốn lưu động. Giá trị nguyên vật liệu trong kho cuối niên độ không chỉ là giá trị được thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là chỉ tiêu để đánh giá khả năng hoạt động của doanh nghiệp thông qua chỉ tiêu “Vòng quay vốn lưu động”. Nếu quá trình thu mua, dự trữ và xuất dụng nguyên vật liệu được phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả sẽ làm tăng nhanh vòng quay của vốn. Thực hiện tốt điều này sẽ tạo điều kiện cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Tóm lại nguyên vật liệu là yếu tố không thể thiếu trong quá trình sản xuất nào, cũng là yếu tố quan trọng trong tài sản lưu động.

1.1.2 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Trong các công ty xây dựng nói nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản và cần thiết nhất tham gia vào quá trình sản xuất, khối lượng sử dụng rất lớn. Khối lượng sản phẩm ít sẽ tiêu tốn nguyên vật liệu ít, khối lượng sản phẩm, công việc nhiều sẽ tiêu tốn nhiều nguyên vật liệu cho nên nếu công tác quản lý tốt từ công tác thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện để đảm bảo giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Nhiệm vụ chủ yếu ở từng khâu như sau :

- Khâu thu mua : Lập kế hoạch thu mua để có nguồn sản phẩm lớn, chất lượng và giá thành ổn định nhất. Quản lý chặt chẽ trong quá trình vận chuyển tránh hao hụt, thất thoát gây tăng giá nguyên vật liệu. Đồng thời quan tâm đến chi phí vận chuyển, thu mua để tối đa hóa chi phí.
- Khâu bảo quản : Hệ thống kho hàng cần đạt tiêu chuẩn, quy định về bảo quản, nhân viên có chuyên môn, trách nhiệm và trung thực.
- Khâu dự trữ : Xây dựng mức dự trữ hợp lý, tránh tình trạng dư thừa vượt mức khó quản lý tồn và lâu ngày giảm chất lượng nguyên vật liệu, chênh lệch giá thành.
- Khâu sử dụng : Đây cũng là một khâu vô cùng quan trọng trong việc quyết định giá thành của sản phẩm và lợi nhuận thu về, phải sử dụng hợp lý, có định mức sử dụng cho từng loại nguyên vật liệu và đầu mục công việc cụ thể, tránh thất thoát lãng phí.

Với cách chia từng khâu như vậy, phần nào có thể hỗ trợ công tác quản lý nguyên vật liệu được sát sao, chính xác, đầy đủ thông tin của từng loại khi cần.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

- Ghi chép đầy đủ và phản ánh chính xác tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Tính toán đúng giá trị của nguyên vật liệu nhằm cung cấp chính xác thông tin.
- Hạch toán đúng chế độ, phương pháp tạo sự thống nhất.
- Kiểm tra bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu, đề xuất biện pháp xử lý kịp thời
- Tổ chức kế toán phù hợp với kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính
- Ghi chép số liệu về việc thu mua, vận chuyển, bảo quản, đánh giá phân loại tình hình nguyên liệu.

1.2 Phân loại và cách tính giá nguyên vật liệu trong công ty xây dựng

1.2.1 Phân loại

• Căn cứ theo yêu cầu quản lý, nguyên vật liệu được chia thành các loại như sau :

- Nguyên vật liệu chính : khi những nguyên vật liệu này tham gia vào quá trình sản xuất sẽ cấu thành nên hình thái vật chất, thực thể chính của sản phẩm

- Nguyên vật liệu phụ : là những vật liệu phụ trợ cho quá trình sản xuất, kết hợp với nguyên liệu chính để hỗ trợ quy trình sản xuất.

- Nhiên liệu : là những vật liệu cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất như xăng dầu, khí đốt.....

- Phụ tùng thay thế : là những chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa, thay thế trong máy móc, thiết bị....

- Phế liệu : là các vật liệu trong quá trình sản xuất thu được có thể bán ra, thanh lý như vải vụn, sắt thép vụn.....

- Vật liệu khác : các vật liệu ngoài các vật liệu kể trên.

Việc phân loại này giúp dễ dàng quản lý nguyên vật liệu và hạch toán chi tiết, quản lý chính xác.

• Căn cứ vào chức năng :

- Nguyên vật liệu dùng cho sản xuất : là nguyên vật liệu bị tiêu hao trong quá trình sản xuất. Gồm có :

+ nguyên vật liệu trực tiếp : là các loại nguyên vật liệu tiêu hao trực tiếp trong quá trình kinh doanh, sản xuất ra sản phẩm.

+ Nguyên vật liệu gián tiếp : là các loại nguyên vật liệu tiêu hao gián tiếp trong quá trình kinh doanh, sản xuất ra sản phẩm như chi phí dầu mỡ,...

+ Nguyên vật liệu sử dụng cho bán hàng

+ Nguyên vật liệu sử dụng cho quản lý.

• Căn cứ vào nguồn hình thành :

+ Nguyên vật liệu mua ngoài : là nguyên vật liệu được mua ở ngoài thị trường.

+ Nguyên vật liệu tự sản xuất : là những nguyên vật liệu doanh nghiệp tự chế biến hoặc thuê gia công chế biến.

+ Nguyên liệu nhận góp vốn liên doanh

+ Nguyên liệu khác

Khi chia nhỏ, phân loại như trên giúp tạo tiền đề cho quản lý và sử dụng riêng cho từng loại nguyên vật liệu. Trên cơ sở đó có thể đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Căn cứ vào quyền sở hữu :

+ Nguyên liệu thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp : là những nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất hoặc mua ngoài đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

+ Nguyên vật liệu không thuộc quyền sở hữu : là những nguyên vật liệu nhận gia công chế biến hay giữ hộ.

1.2.2 Cách tính giá và xác định giá trị nguyên vật liệu nhập kho

Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được tính bằng toàn bộ chi phí thực tế mà doanh nghiệp bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó bao gồm chi phí mua nguyên vật liệu + chi phí chế biến + các chi phí có liên quan khác.

Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được tính tùy vào nguồn nhập :

- Nguyên vật liệu mua ngoài :

Giá thực tế NVL nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn người bán	+	Các khoản thuế (nếu có)	+	Chi phí thu mua, vận chuyển, lưu kho,...	-	Các khoản giảm trừ
--------------------------	---	------------------------------------	---	-------------------------	---	--	---	--------------------

- Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh : Giá trị được các bên tham gia góp vốn, đánh giá và chấp nhận.

- Nguyên vật liệu được tặng thưởng: Giá thực tế tính theo giá thị trường tương đương + các chi phí liên quan đến việc tiếp nhận.

- Phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Giá thực tế được tính theo đánh giá thực tế hoặc giá thị trường.

1.2.3 Cách tính giá và giá trị nguyên vật liệu xuất kho :

Căn cứ vào hoạt vào hoạt động của doanh nghiệp để lựa chọn phương pháp tính giá hợp lý, thuận lợi và thống nhất trong quá trình hạch toán. Trường hợp thay đổi phương pháp tính giá thì phải có giải thích rõ ràng bằng văn bản gửi về cơ quan thuế và phải thực hiện tối thiểu là 6 tháng.

Một số phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho :

- Phương pháp bình quân gia quyền :

Theo phương pháp này, giá xuất kho hàng hóa được tính theo giá bình quân :

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL xuất} \\ \text{dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{xuất dùng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó giá đơn vị bình quân được tính bằng nhiều cách :

- Phương pháp giá bình quân cả kì dự trữ :

Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp có số lần nhập, xuất hàng hóa nhiều. Căn cứ vào giá thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị sản phẩm.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \\ \text{của cả kỳ} \\ \text{dự trữ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá .NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng tồn} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

Phương pháp này tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Công việc tính giá lại chỉ thực hiện vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến độ chính xác và kịp thời của thông tin kế toán

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập :

Phương pháp này có tính chính xác cao, cập nhật được thường xuyên liên tục tuy nhiên tốn nhiều công sức và tính toán nhiều lần

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{sau lần nhập thứ } i \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL tồn kho sau lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Lượng NVL tồn kho sau lần} \\ \text{nhập thứ } i \end{array}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước :

Nguyên vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi tới nhập sau theo giá thực tế của từng số nguyên vật liệu xuất. Nguyên vật liệu tồn kho cuối kì sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kì. Phương pháp này thích hợp trường hợp giá ổn định hoặc có xu hướng giảm.

Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán. Trị giá vốn hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại sẽ được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng mặt hàng nhiều, phát sinh nhập, xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

- Phương pháp giá đích danh

Phương pháp này, nguyên vật liệu nhập đợt nào, lô nào thì lấy giá của lô hàng đó để tính. Đây có thể được coi là phương pháp tốt nhất vì nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí đảm bảo phù hợp với thực tế. Giá trị hàng tồn kho cũng được đảm bảo đúng theo thực tế của nó.

Tuy nhiên việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, phù hợp với doanh nghiệp có số lượng loại nguyên vật liệu, ổn định và nhận diện được.

1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Do đặc điểm trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu thường có nhiều chủng loại khác biệt. Tuy nhiên thiếu một nguyên vật liệu cũng có thể gây ngừng sản xuất, vì vậy hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng danh điểm nguyên vật liệu. Hiện nay có 3 phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

- Phương pháp thẻ song song
- Phương pháp số đối chiếu luân chuyển
- Phương pháp sổ số dư

Mỗi phương pháp đều có những ưu, nhược điểm và phạm vi áp dụng riêng nhưng đều nhằm mục đích theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu về số lượng về giá trị ở kho và phòng kế toán.

1.3.1 Phương pháp thẻ song song

* *Điều kiện áp dụng:*

- Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư hàng hóa
- Các nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên
- Trình độ nghiệp vụ nhân viên kế toán còn hạn chế

* *Nguyên tắc mở sổ:*

- Sổ kho (thẻ kho) do kế toán lập và giao thủ kho theo dõi về mặt hiện vật.
- Sổ chi tiết mở theo thẻ kho để dễ theo dõi số lượng và giá trị.

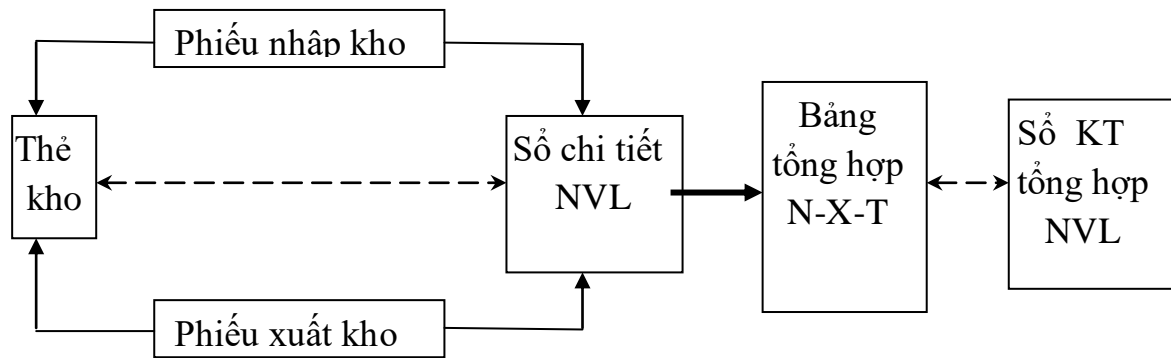
* *Trình tự ghi sổ:*

✓ *Ở kho:* Hàng ngày khi nhận chứng từ nhập-xuất NVL, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi sổ thực nhập, thực xuất, tính ra số tồn kho để ghi vào thẻ kho. Thẻ kho được mở cho từng loại nguyên vật liệu. Đối với phiếu xuất vật tư theo hạn mức, sau mỗi lần xuất thủ kho phải ghi sổ thực xuất vào thẻ kho mà không đợi đến khi kết thúc chứng từ mới ghi một lần. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn kho trên thẻ kho với số liệu thực tế còn lại ở kho để đảm bảo sổ sách và hiện vật luôn khớp nhau. Định kỳ thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất đã được phân loại theo từng NVL cho phòng kế toán.

✓ *Ở phòng kế toán:*

Kế toán phải mở sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL cho từng danh điểm vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Kế toán sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết NVL để ghi chép tình hình nhập, xuất tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị. Về cơ bản sổ (thẻ) kế toán chi tiết nguyên vật liệu giống như thẻ kho, nhưng có thêm các cột ghi chép chỉ tiêu hiện vật và giá trị.

Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho do thủ kho chuyển tới, nhân viên kế toán vật liệu phải kiểm tra chứng từ, đối chiếu các chứng từ nhập, xuất kho với các chứng từ khác có liên quan như hóa đơn mua hàng, phiếu mua hàng,... ghi giá hạch toán và tính ra số tiền. Sau đó kế toán lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất kho vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng chi tiết vật liệu và kiểm tra, đối chiếu với thẻ kho. Ngoài ra, để có số liệu đối chiếu, kiểm tra với kế toán tổng hợp cần phải tổng hợp số liệu kế toán chi tiết từ các sổ kế toán chi tiết vào bảng tổng hợp



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi cuối tháng
 $\leftarrow\text{---}\rightarrow$ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1 : Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

* Ưu điểm:

Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, dễ làm, dễ kiểm tra , đối chiếu phát hiện sai sót trong số liệu, đảm bảo sự chính xác của thông tin và có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho kế toán quản trị hàng tồn kho.

* Nhược điểm:

Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

1.3.2 Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

* Điều kiện áp dụng:

Thích hợp với doanh nghiệp không có nhiều nghiệp vụ nhập xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

* Trình tự ghi sổ:

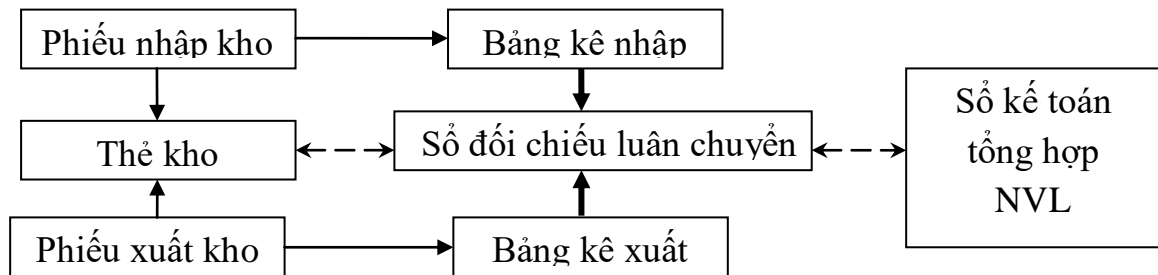
✓ Ở kho:

Việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song.

✓ Ở phòng kế toán:

Kế toán tiến hành kiểm tra và mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn về số lượng và giá trị của từng danh điểm vật liệu trong

kho. Trên sổ đối chiếu luân chuyển kế toán ghi một lần vào cuối tháng sự thay đổi của từng danh điểm vật liệu. Để có số liệu ghi vào sổ luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất định kỳ do thủ kho chuyển tới. Cuối tháng tiến hành kiểm tra, đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với số lượng vật liệu trên thẻ kho, đối chiếu với kế toán tổng hợp.



Ghi chú:
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi cuối tháng
 <---> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

* Ưu điểm:

Phương pháp này đơn giản dễ làm, giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép của kế toán so với phương pháp thẻ song song.

* Nhược điểm:

- Việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng.
- Việc kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa kho và phòng kế toán chỉ được tiến hành vào cuối tháng vì vậy hạn chế tác dụng kiểm tra.
- Theo yêu cầu cung cấp thông tin nhanh phục vụ quản trị hàng tồn kho thì các doanh nghiệp không nên sử dụng phương pháp này, vì muốn lập báo cáo nhanh hàng tồn kho cần phải dựa vào số liệu trên thẻ kho. Số liệu giữa kho và phòng kế toán không tiến hành trong tháng do kế toán không ghi sổ.

Công việc ghi chép sổ, kiểm tra đối chiếu dồn vào cuối kỳ, nên trong trường hợp số lượng chứng từ khá nhiều các loại NVL thì công việc kiểm tra đối chiếu sẽ gặp khó khăn, ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện các khâu kế toán khác.

1.3.3 Phương pháp sổ số dư

Phương pháp này là một cải tiến căn bản trong việc tổ chức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu. Đặc điểm nổi bật của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép của phòng kế toán và trên cơ sở đó ở kho chỉ hạch toán về số lượng và ở phòng kế toán chỉ hạch toán về giá trị của NVL, xóa bỏ được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, tạo điều kiện kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số liệu kế toán chính xác, kịp thời.

* *Điều kiện áp dụng:*

Phương pháp này phù hợp với các doanh nghiệp có nhiều danh điểm NVL, nghiệp vụ nhập, xuất nhiều, thường xuyên. Nhiều chủng loại NVL và với điều kiện doanh nghiệp dùng giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất. Ngoài ra đòi hỏi doanh nghiệp phải xây dựng được hệ thống danh điểm NVL, trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.

* *Trình tự ghi sổ:*

✓ *Ở kho:*

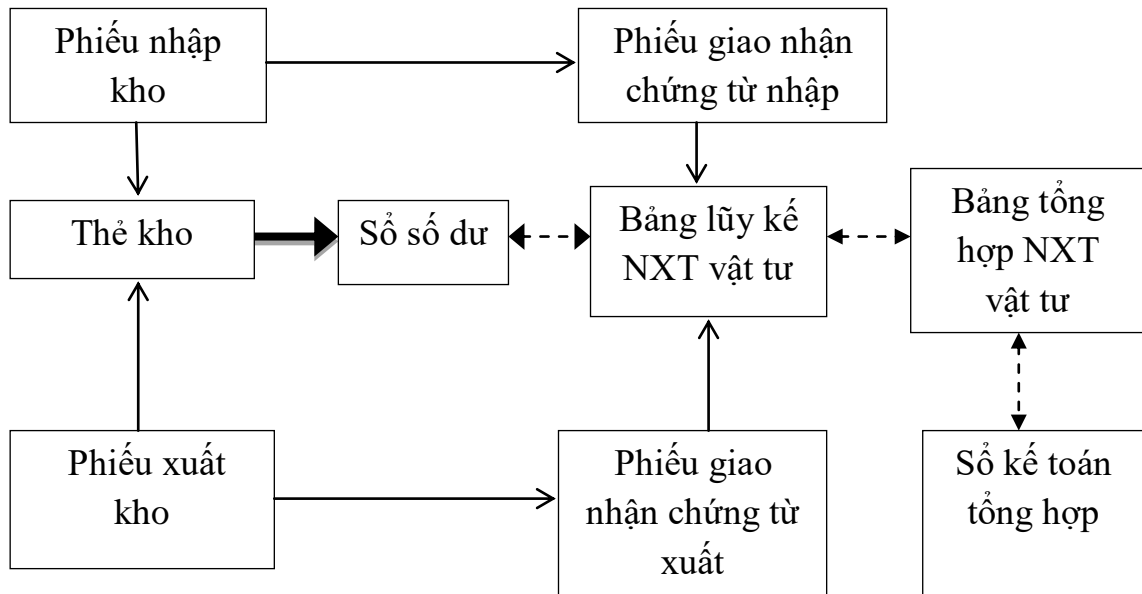
Hạch toán nguyên vật liệu tại kho do thủ kho thực hiện trên các thẻ kho như các phương pháp trên. Hàng ngày hoặc định kỳ theo quy định của doanh nghiệp, sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập, xuất kho vật liệu phát sinh theo từng vật liệu quy định. Sau đó lập phiếu giao nhận chứng từ cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu.

Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vật liệu vào sổ số dư. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm, trước ngày cuối tháng, kế toán giao sổ số dư cho thủ kho ghi số lượng vật liệu tồn kho căn cứ vào các thẻ kho. Ghi xong thủ kho phải chuyển sổ về phòng kế toán để kiểm tra và tính thành tiền.

✓ *Ở phòng kế toán:*

Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để hướng dẫn, kiểm tra việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra và tính giá theo từng chứng từ, cộng tổng số tiền ghi vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu. Bảng này được mở cho từng kho, mỗi kho một tờ, được ghi trên cơ sở các phiếu giao nhận chứng từ nhập xuất vật liệu.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu. Cuối tháng khi nhận được sổ số dư thủ kho chuyển lên, kế toán căn cứ vào số tồn kho cuối tháng do thủ kho tính ghi ở sổ số dư và đơn giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Việc kiểm tra đối chiếu được căn cứ vào số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập, xuất, tồn (cột số tiền) và số liệu kế toán tổng hợp.



Ghi chú :

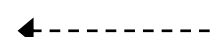
Ghi cuối ngày :



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ :



Ghi hệ đối chiếu, kiểm tra :



Sơ đồ 1. 3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

* Ưu điểm:

Tránh được ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép tính toán của kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng. Thực hiện kiểm tra giám sát thường xuyên của kế toán.

* Nhược điểm:

Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị, nên muốn biết số hiện có và tình hình tăng giảm của từng thứ vật liệu về mặt hiện vật nhiều khi phải xem sổ liệu trên thẻ kho.

Việc kiểm tra sai sót nhầm lẫn giữa phòng kế toán và kho gặp khó khăn.

1.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.4.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Khái niệm :

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên, liên tục. cập nhật tình hình nhập, xuất, tồn kho các loại nguyên vật liệu trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất.

- Đặc điểm :

- Mọi tình hình biến động tăng giảm (nhập, xuất) và số hiện có của vật tư, hàng hóa đều được phản ánh trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho (TK 151,152,153,156,157)

- Cuối kỳ kế toán đối chiếu số liệu kiểm kê thực tế vật tư hàng hóa tồn kho với số lượng vật tư hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán.

- Tính giá vốn xuất kho căn cứ vào các chứng từ xuất kho và phương pháp tính giá áp dụng:

Giá thực tế xuất = Số lượng xuất x Đơn giá tính cho hàng xuất

- Ưu điểm:

Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật, theo phương pháp này tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

- Nhược điểm:

Tăng khối lượng ghi chép hàng ngày, tốn nhiều công sức tính toán, gây áp lực cho người làm công tác kế toán. Tuy nhiên nhược điểm này được khắc phục khi doanh nghiệp tin học hóa công tác kế toán.

- Điều kiện áp dụng:

Thích hợp với doanh nghiệp sản xuất và thương mại kinh doanh mặt hàng có giá trị , quy mô lớn, nguyên vật liệu xuất theo dõi được từng lần.

- Chứng từ kế toán sử dụng

Các nghiệp vụ liên quan đến tình hình nhập xuất nguyên vật liệu đều được phản ánh ghi chép đầy đủ vào các chứng từ kế toán theo đúng quy định

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kì
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa
- Bảng kê mua hàng
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ
- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 - GTGT) nếu nộp thuế theo phương pháp khấu trừ
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu 02 - GTGT) nếu nộp thuế theo phương pháp trực tiếp

Các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ, theo đúng quy định nhà nước về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập. Công ty phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Tài khoản sử dụng :

“ Nguyên liệu, vật liệu” TK 152 phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm nguyên vật liệu theo giá trị vốn thực tế, có thể mở chi tiết thành các TK cấp 2, cấp 3...như :

- TK 1521: Nguyên vật liệu chính.
- TK 1522: Nguyên vật liệu phụ.
- TK 1523: Nhiên liệu.
- TK 1524: Phụ tùng thay thế.
- TK 1525: Nguyên vật liệu và thiết bị XDCB.
- TK 1528: Nguyên vật liệu khác.

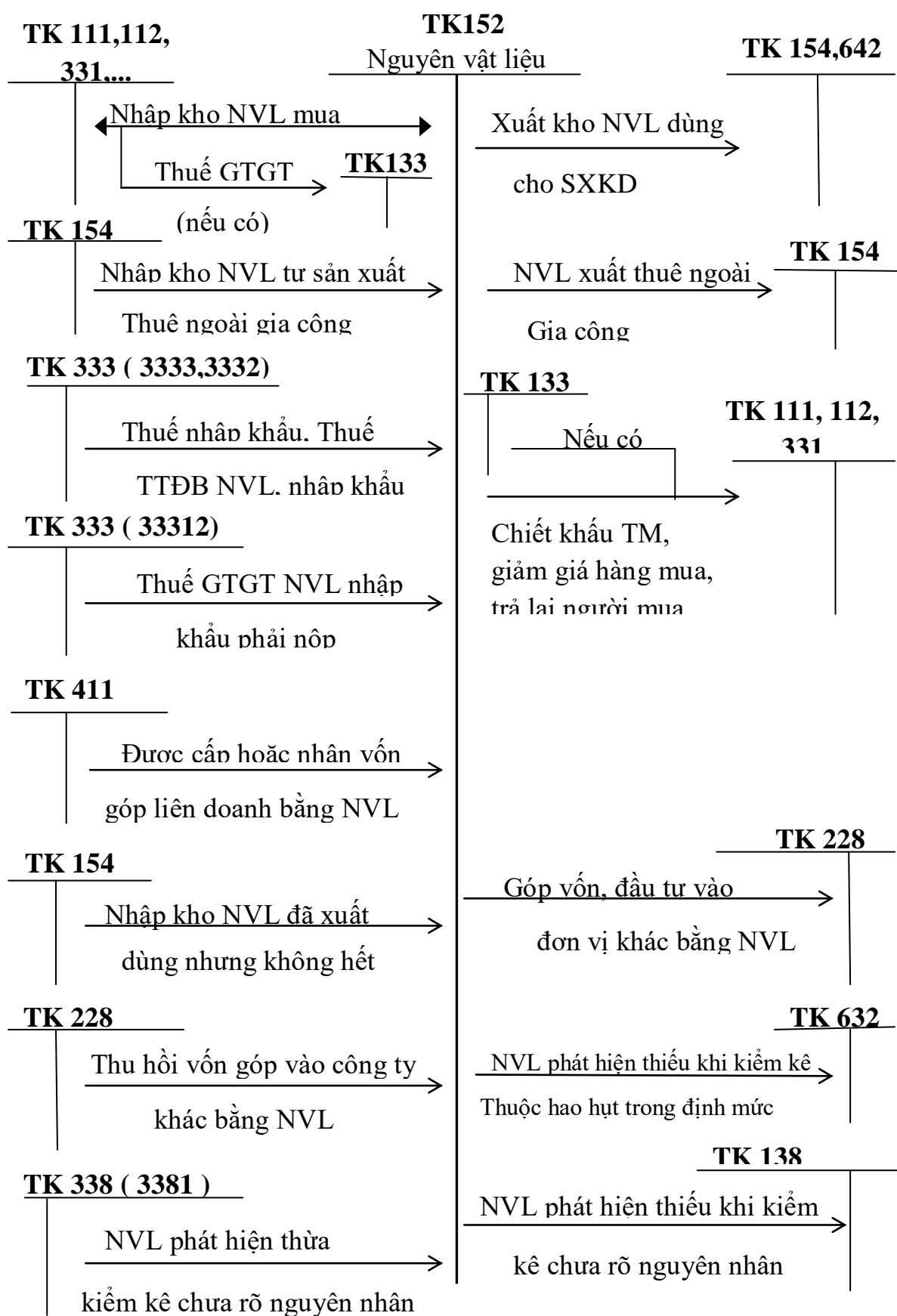
TK 152:

* Kết cấu TK 152:

Nợ	TK 152	Có
Trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài, nhận vốn góp hoặc tự chế biến... Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê		Trị giá thực tế của NVL giảm trong kỳ do xuất dùng. + Số tiền giảm giá, trả lại NVL khi mua. + Số tiền điều chỉnh giảm giá NVL khi đánh giá lại. + Trị giá NVL thiếu phát hiện khi kiểm kê.
Dư nợ : Giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.		

Ngoài ra còn các tài khoản :

- TK 151 Hàng mua đi đường
- TK 111: Tiền mặt.
- TK 112: TGNH.
- TK 141: Tạm ứng.
- TK 128: Đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- TK 411: Nguồn vốn kinh doanh.
- TK 133: “ Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ”.
- + TK 1331: Thuế GTGT của hàng hoá vật tư.
- + TK 1332: Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ.



Sơ đồ 1.4 : Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.4.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kì

- Khái niệm :

Phương pháp KKĐK là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên về tình hình nhập, xuất, tồn của các loại vật liệu trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế. Từ đó, xác định lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và cho các mục đích khác trong kỳ theo công thức.

- Đặc điểm :

- Không theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục
- Các tài khoản phản ánh hàng tồn kho chỉ phản ánh giá trị vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ và cuối kỳ.
- Phản ánh tình hình mua vào, nhập kho vật tư, hàng hóa trên TK 611
- Cuối kỳ tiến hành kiểm kê hàng tồn kho cuối kỳ:

Trị giá thực tế tồn kho cuối kì = SL tồn x đơn giá tính cho hàng tồn kho

$$\begin{matrix} \text{Trị} \\ \text{giá} \\ \text{NVL} \\ \text{xuất} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Trị giá} \\ \text{NVL} \\ \text{tồn đầu} \\ \text{kì} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Trị giá} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{vào trong} \\ \text{kì} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Trị giá NVL} \\ \text{tồn cuối kì} \end{matrix}$$

- Ưu điểm: Giảm nhẹ khối lượng công việc ghi chép, hạch toán. Không phải đối chiếu giữa số liệu kế toán và số lượng kiểm kê vì số liệu kế toán luôn khớp với thực tế.
- Nhược điểm:
 - Công việc kế toán dồn vào cuối kỳ
 - Công việc kiểm tra không thường xuyên và liên tục trong tình hình nhập, xuất kho sẽ gây hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán trong quản lý.
 - Khó phát hiện sai sót nếu khi kiểm kê hàng thực tế nhập kho không trùng với ghi sổ kế toán.

- Phạm vi sử dụng:

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, sản xuất kinh doanh những mặt hàng có giá trị thấp. Sử dụng các loại nguyên vật liệu ít

tiền, chủng loại phức tạp. Việc theo dõi tình hình nhập xuất không thực hiện thuận tiện, được xuất thường xuyên.

1.4.2.1 Tài khoản sử dụng :

- **TK 611** “ Mua hàng “ Dùng để phản ánh tình hình thu mua, tăng giảm nguyên vật liệu, công cụ...theo giá thực tế

* Kết cấu TK 611 :

Nợ	TK 611	Có
<p>Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL,... tồn kho đầu kỳ(theo kết quả kiểm kê)</p> <p>Giá gốc hàng hóa, NVL mua vào trong kỳ</p>		<p>Kết chuyển giá gốc hàng hóa, NVL... tồn kho cuối kỳ.</p> <p>Giá gốc hàng hóa, NVL xuất sử dụng trong kỳ</p> <p>Giá gốc NVL, hàng hóa,...mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá</p>

TK 611 áp dụng cho từng loại vật tư, hàng hóa. TK 611 không có số dư cuối kỳ

TK 611 có hai TK cấp 2 :

- TK 611.1 : Mua NVL
- TK 611.2 : Mua hàng hóa

* **TK 152:** “ Nguyên liệu, vật liệu” dùng để phản ánh giá trị thực tế nguyên liệu, vật liệu tồn kho chi tiết theo từng loại.

* **TK 151:** “ Hàng mua đang đi đường” dùng để phản ánh trị giá số hàng mua (thuộc sở hữu của đơn vị) nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại hàng, từng người bán.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như: 133, 331, 111, 112...các tài khoản này có nội dung và kết cấu giống như phương pháp kiểm kê thường xuyên.

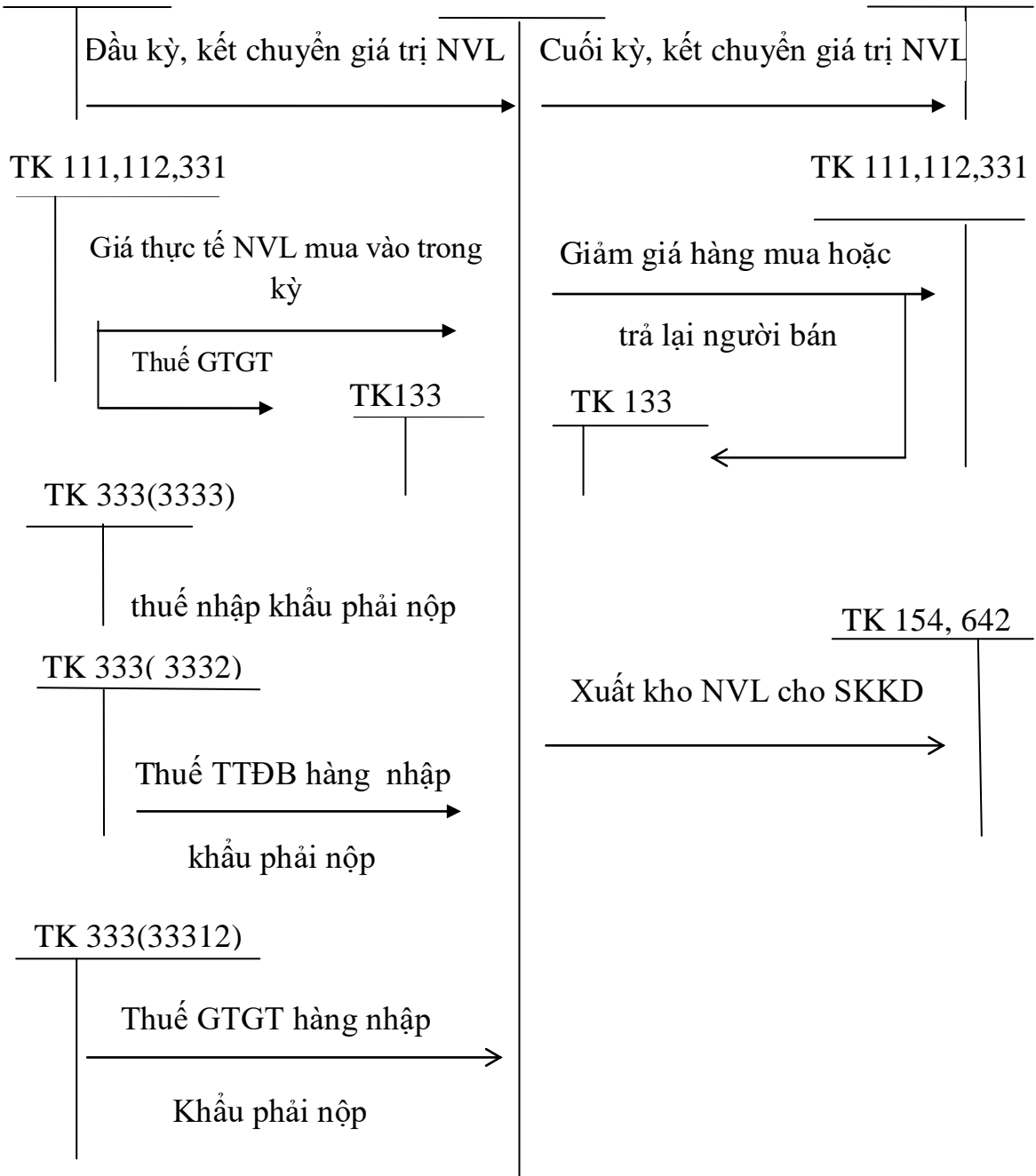
1.4.2.2 Phương pháp hạch toán

(Thể hiện qua sơ đồ 1.5)

TK 151, 152

TK 611(6111)

TK 151,152



Sơ đồ 1.5: Phương pháp kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Hệ thống sổ kế toán trong doanh nghiệp được xây dựng để theo dõi tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Nhưng trong phạm vi đề tài nghiên cứu, em chỉ xét hệ thống sổ kế toán sử dụng hạch toán nguyên vật liệu.

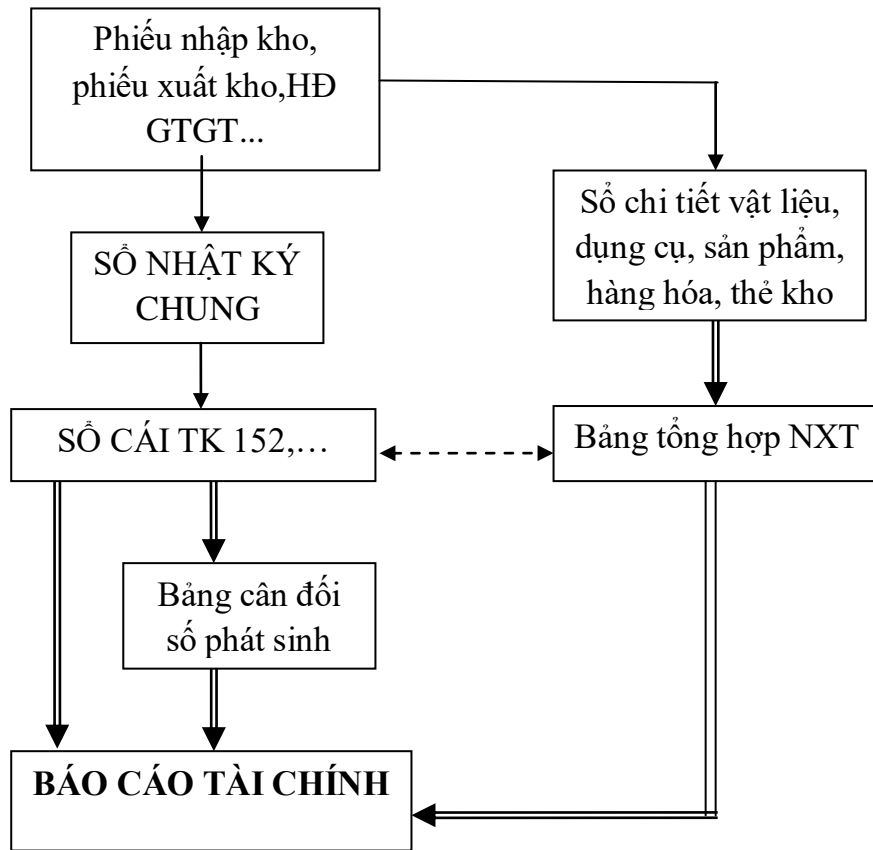
1.5.1 Hình thức nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký và trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.5.2 Hình thức nhật kí - sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép theo thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – sổ Cái. Hàng ngày người giữ nhật ký sổ cái nhận toàn bộ chứng từ gốc, kiểm tra, định khoản rồi ghi vào sổ . Mỗi chứng từ ghi vào một dòng ở cả hai phần nhật ký và sổ cái. Kế toán có thể lập bảng tổng hợp cho các chứng từ gốc cùng loại phát sinh nhiều lần trong tháng theo định kỳ sau đó căn cứ vào số liệu trên bảng này ghi vào sổ cái. Các chứng từ gốc liên quan đến các đối tượng cần hạch toán chi tiết sau khi ghi vào sổ cái được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

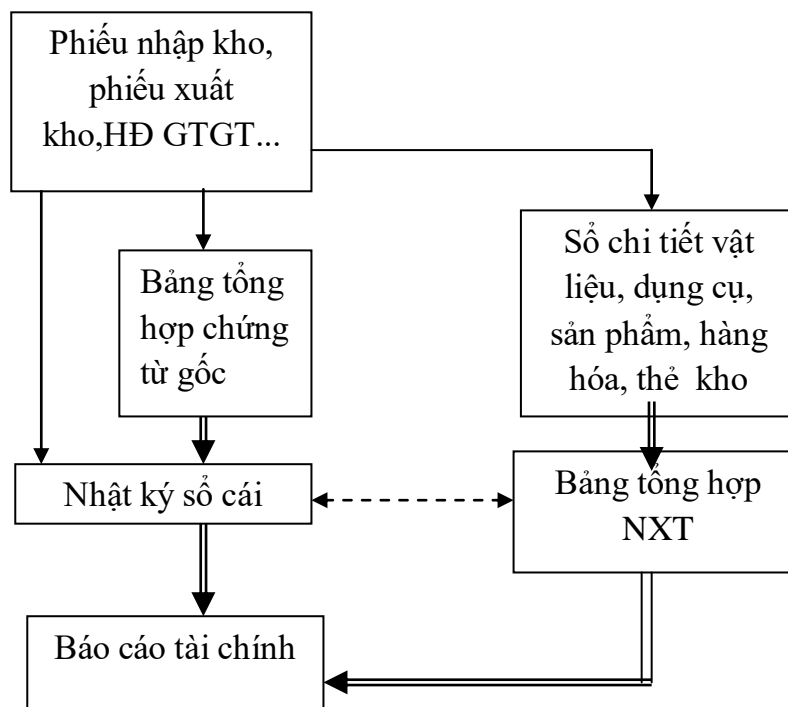
Cuối tháng sau khi ghi toàn bộ số liệu trên các chứng từ gốc vào nhật ký- sổ cái và các sổ chi tiết liên quan, kế toán cộng dồn số liệu trên nhật ký- sổ cái và các sổ thẻ kế toán chi tiết. Các số liệu cộng dồn phải đạt được thông qua hệ cân đối như sau:

$$\text{Tổng số tiền PS} = \text{Tổng PS bên Nợ các TK} = \text{Tổng PS bên Có các TK}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ cuối kỳ các TK} = \text{Tổng số dư Có cuối kỳ các TK}$$

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- <----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.7 :Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái
1.5.3 Hình thức chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

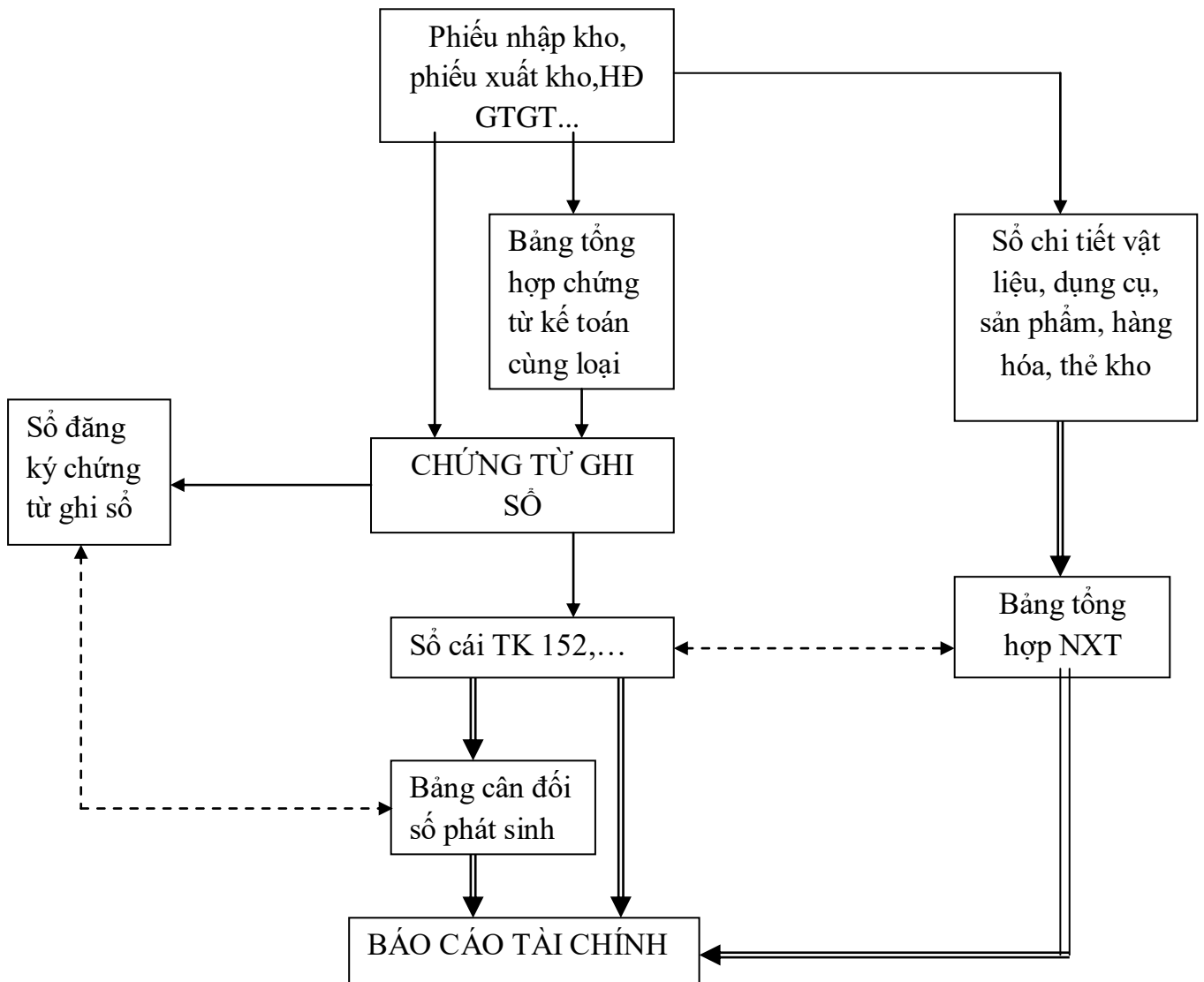
- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng Hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan. Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân Đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng Ký Chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

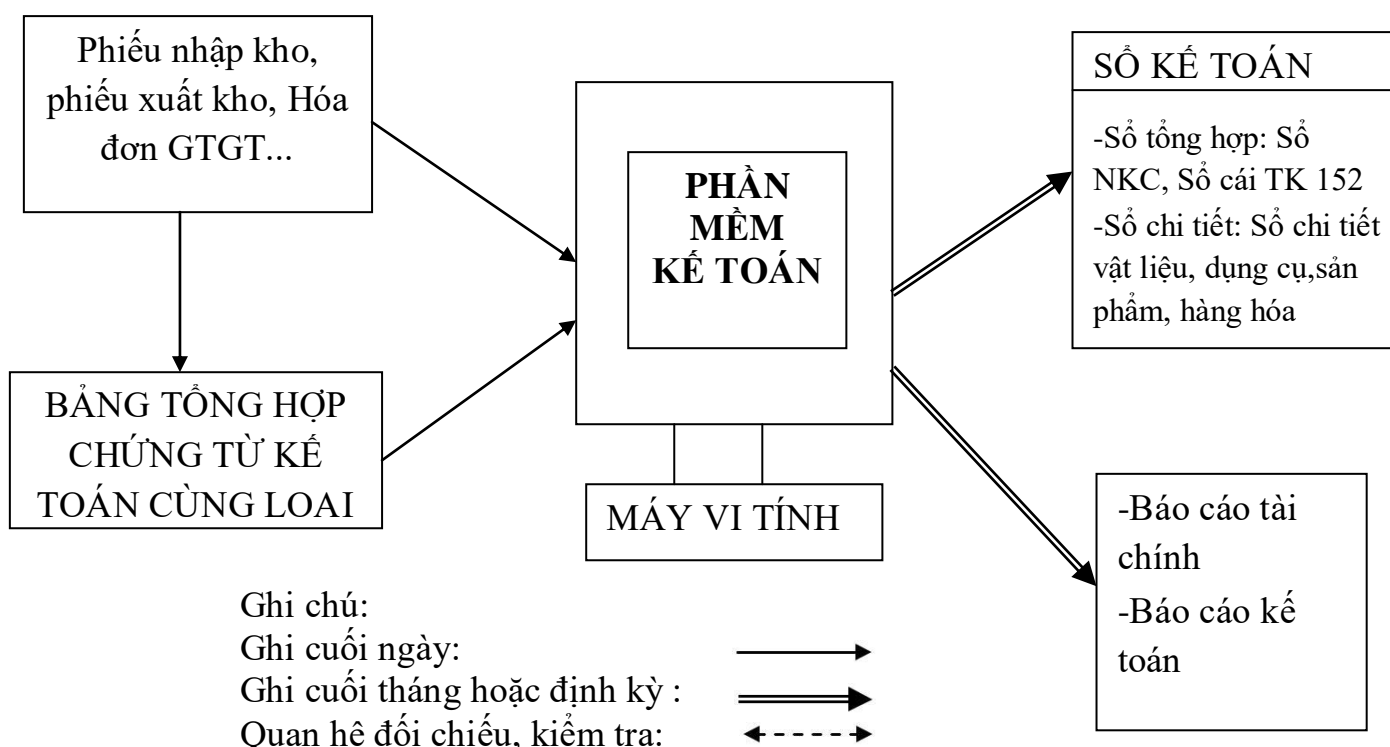
- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.5.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, hay Chứng từ ghi sổ..) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.9 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

1.6 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Sổ dự phòng

giảm giá hàng tồn kho không được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng đáng tin cậy thu thập tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có thời điểm ước tính. Ngoài ra khi ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được phải tính đến mục đích của việc dự trữ hàng tồn kho. Nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất sản phẩm không được đánh giá thấp hơn giá gốc, nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà giá thành sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cách xác định dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

Theo quy định hiện hành của chế độ kế toán tài chính thì dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối niên độ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được lập cho các loại nguyên vật liệu chính dùng cho sản xuất, các loại vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho để bán mà giá trên thị trường thấp hơn thực tế đang ghi sổ kế toán. Những loại vật tư hàng hóa này là mặt hàng kinh doanh thuộc sở hữu của doanh nghiệp, có chứng cứ hợp lý, chứng minh giá vốn vật tư, hàng tồn kho.

Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\begin{matrix} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá vật tư} \\ \text{hàng hóa} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Lượng vật tư hàng hóa} \\ \text{thực tế tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{matrix} \times \left(\begin{matrix} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo} \\ \text{sổ kế toán} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{matrix} \right)$$

Tài khoản sử dụng: *Tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản”*

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phân giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2

Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:

Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

• ***Phương pháp hạch toán***

a) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

b) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(được bù đắp bằng dự phòng).

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng).

Có TK 152

CHƯƠNG II**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1****2.1 Khái quát chung về công ty cổ phần xây dựng số 1*****2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển******Quá trình hình thành :***

Công ty cổ phần xây dựng số 1 được hình thành ngày 28/03/2002 dưới hình thức công ty cổ phần.

Công ty cổ phần xây dựng số 1 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc Hội của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là chi cục thuế quận Lê Chân. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật. Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính.

Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập quỹ theo quy định của Pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các đơn vị thành viên hạch toán kinh tế nội bộ, hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần xây dựng số 1.

Quá trình phát triển

Tính từ thời điểm thành lập cho đến nay, sau gần 20 năm thành lập, công ty đã chiếm lĩnh được thị trường xây dựng tại Hải Phòng với cơ sở vật chất được đầu tư, đội ngũ công nhân viên giàu năng lực và kinh nghiệm. Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã góp mặt vào hàng nghìn công trình lớn nhỏ trên khắp các tỉnh thành, quận huyện lớn nhỏ không chỉ ở tại thành phố Hải Phòng mà còn ở những địa bàn lân cận. Có những công trình lên tới vài chục tỷ đồng. Những sản phẩm của công ty đều được đánh giá cao về chất lượng và thẩm mỹ, cũng như ổn định và thỏa mãn về giá cả thị trường.

Sau một vài năm, với kinh nghiệm dày dặn, đội ngũ nhân viên giàu tinh thần xây dựng, công ty đã từng bước một đi lên với nhiều thành tựu đáng kính nể. Những năm gần đây, với uy tín là một trong những công ty xây dựng hàng đầu Hải Phòng, công ty cổ phần xây dựng số 1 đã vươn lên làm “đứa con đầu đàn” trong những “con đẻ” của ngành xây dựng.

Trong những năm qua Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, phấn đấu đạt được thành tích cao trong các lĩnh vực mà mình tham gia. Lấy phương châm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, Công ty đã dành được sự tín nhiệm của nhiều khách hàng trong và ngoài tỉnh. Thị trường của Công ty không ngừng được mở rộng. Đặc biệt Công ty đã đầu tư chiều sâu trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, trau dồi năng lực đội ngũ công nhân viên, đáp ứng mọi nhu cầu trong thời kỳ đổi mới. Do vậy, tốc độ tăng trưởng hằng năm trung bình đạt từ 10 - 20 %

Đặc biệt do nhu cầu phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng của xã hội nói chung và sự phát triển xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp của tỉnh Hải Phòng nói riêng, trong những năm qua đơn vị công ty đã và đang tham gia xây dựng một số công trình trong địa bàn tỉnh Hải Phòng bao gồm các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, đã có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác xây lắp thi công các công trình lớn, năng lực thiết bị máy móc thi công được trang bị hiện đại, đầy đủ đáp ứng mọi nhu cầu trong thi công xây lắp. Đơn vị bước đầu tạo được uy tín trên thương trường và tham gia xây dựng một số công trình trên địa bàn trong tỉnh

Với phương châm đem đến sự hài lòng, hợp tác dài lâu cùng với đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, có trình độ cao, giàu kinh nghiệm... Công ty cổ phần xây dựng số 1 xứng đáng với sự tin tưởng của các chủ đầu tư.

Trụ sở giao dịch:

✓ Địa chỉ:

Trụ sở chính: 22A, Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng

Văn phòng giao dịch: số 88 , Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

✓ Tên Việt Nam : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

✓ Tel: 0225 920535 Fax: 0225 920535

✓ Website: xaydungso1haiphong.com.vn

✓ Mã số thuế : 0200457555

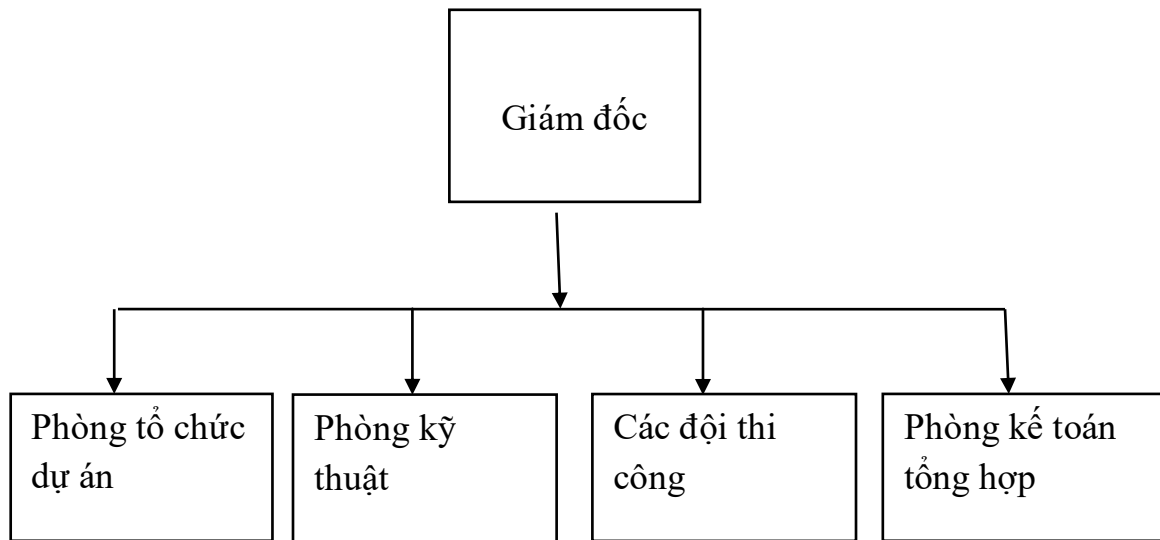
✓ Giấy đăng kí kinh doanh số : 0203000177

✓ Giám đốc Công ty : Ông : Phạm Văn Hợp

2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần xây dựng số 1 với ngành sản xuất kinh doanh chủ đạo là thi công, sửa chữa các công trình dân dụng và công nghiệp.....đồng thời nhận tư vấn về lĩnh vực xây dựng và thiết kế công trình vừa và nhỏ.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ bộ máy quản lý tại công ty :

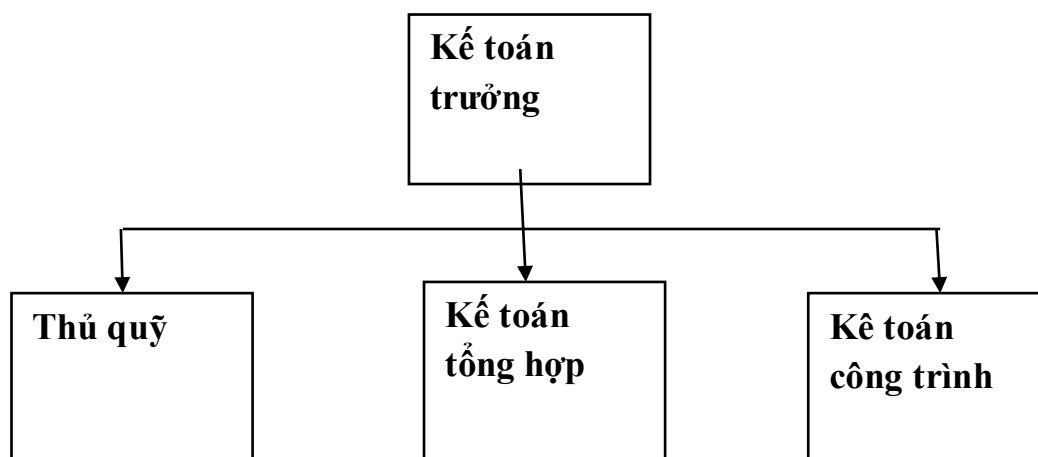
Nhiệm vụ các bộ phận:

- Giám đốc công ty: Là người tổ chức điều hành bộ máy quản lý và chịu trách nhiệm chính về toàn bộ những nhiệm vụ, quyền hạn đối với hoạt động kinh doanh của công ty.
- Phòng tổ chức dự án: Chịu trách nhiệm về việc lập hồ sơ thầu dự án, lập dự án thi công, lên dự toán, các bước cho một dự án công trình...
- Phòng kỹ thuật: Nghiên cứu hồ sơ dự án, đề xuất các biện pháp thi công và kiến nghị sửa đổi, kiểm tra chất lượng thiết kế
- Các đội thi công : Nhận nhiệm vụ trực tiếp thi công các công trình
- Phòng kế toán tổng hợp: Giúp Giám đốc công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

- Công ty cổ phần xây dựng số 1 có quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động địa bàn là chủ yếu, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng không có nhiều. Tại đây, công tác kế toán được tổ chức phù hợp với ngành nghề, đặc điểm của công ty xây dựng



Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán của công ty

Nhiệm vụ các bộ phận :

Kế toán trưởng: người có quyền điều hành toàn bộ công tác tài chính kế toán, có chức năng tổ chức công tác kế toán, tổ chức hình thức hạch toán, kiểm tra các chứng từ thu chi, thanh toán. Đồng thời phối hợp với kế toán cho từng bộ phận của kế toán viên. Làm công tác trực tiếp tổng hợp quyết đoán , làm báo cáo quyết định cuối năm.

Kế toán tổng hợp: người có trách nhiệm hướng dẫn tổng hợp, phân loại chứng từ, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập sổ sách kế toán cho từng bộ phận kế toán viên. Làm công tác trực tiếp tổng hợp quyết đoán , lập báo cáo.

Kế toán công trình: người có nhiệm vụ quản lý việc thu chi tại mỗi công trình, người thường xuyên tìm nguồn vật tư cũng như thiết bị phục vụ cho công trình ổn định, cập nhật giá cả kịp thời , tìm mối quan hệ hợp tác với khách hàng nhằm đáp ứng đầy đủ vật tư cho công trình.

Thủ quỹ: người có trách nhiệm theo dõi tiền mặt cũng như tiền gửi ngân hàng của công ty, lập báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi và tiền vay tại ngân hàng.

2.1.4.2 Đặc điểm hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

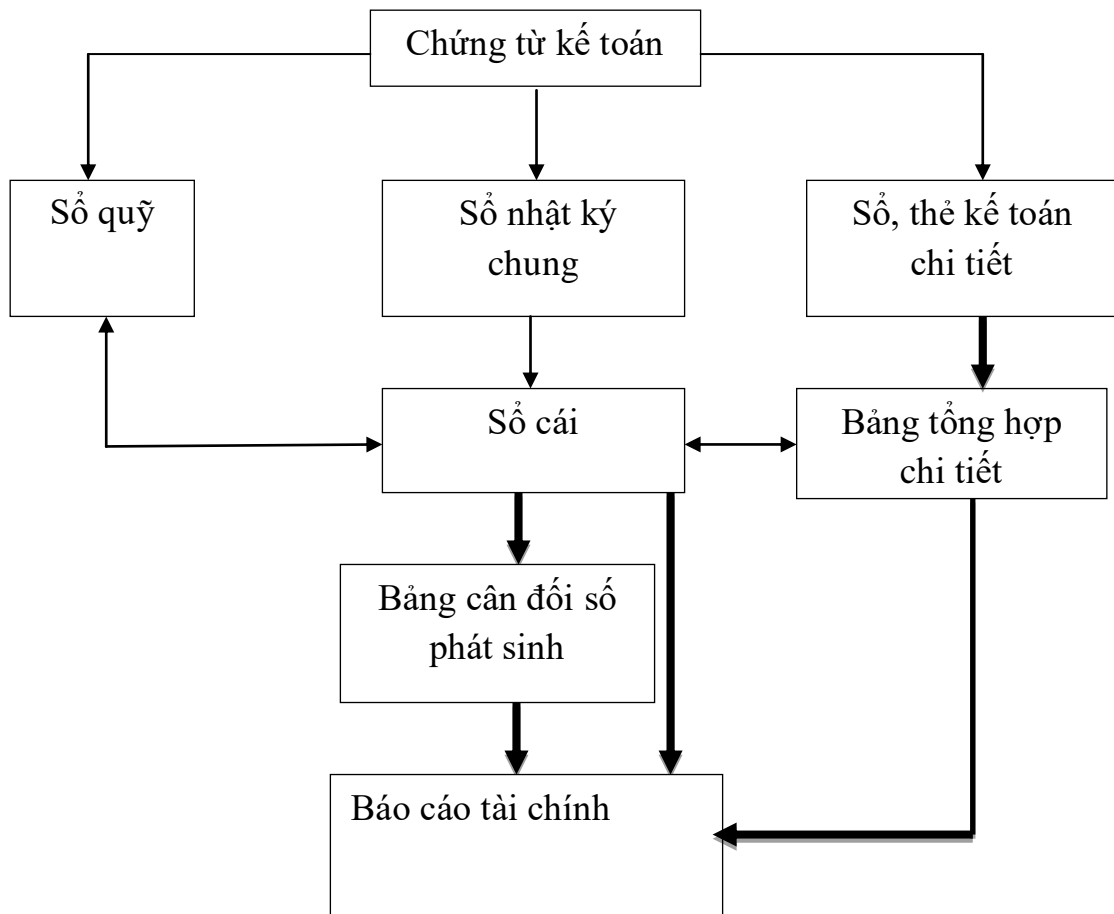
- Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Công ty áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức “Nhật kí chung”
- Hình thức Nhật kí chung: là hình thức kế toán tổng hợp ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian.

Với hình thức này hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra và dùng làm căn cứ ghi sổ. Kế toán ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ

Nhật kí chung, sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật kí chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Cuối tháng cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra khớp đúng số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán, chi tiết) số liệu này sẽ được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Bên cạnh đó kế toán theo dõi tình hình tăng giảm tài sản cố định, nguồn vốn, phân bổ chi phí để tính giá thành sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty cổ phần xây dựng số 1 được khái quát theo sơ đồ sau :



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : →

Ghi định kỳ, cuối tháng : →

Kiểm tra, đối chiếu : ↔

Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

2.1.4.2 Các chế độ và phương pháp kế toán áp dụng

- Tổ chức hệ thống tài khoản chứng từ tại công ty:

Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.3 Hệ thống chứng từ và tài khoản áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán và kỳ kế toán tại công ty: Công ty cổ phần vận xây dựng số 1 áp dụng niên độ kế toán trùng với năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 mỗi năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp tính khấu hao: áp dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tất cả các loại tài sản.
- Phương pháp kê khai thuế: kê khai thuế theo phương pháp trực tiếp.

2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1

2.2.1 Đặc điểm và tính giá nguyên vật liệu tại công ty

- Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty

Công ty cổ phần xây dựng số 1 kinh doanh về ngành nghề xây dựng. Để phục vụ việc kinh doanh sản xuất công ty phải sử dụng khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm những nguyên vật liệu khác nhau và mỗi loại có 1 chức năng và nhiệm vụ khác nhau như cát, đá, xi măng, sắt, thép..... Và để quản lý tốt nhất thì phải phân loại nguyên vật liệu. Tuy nhiên công tác kế toán về nguyên vật liệu tại công ty cổ phần số 1 còn chưa hiệu quả do hiện nay các loại nguyên vật liệu tại công ty mới chỉ được gọi theo tên chứ chưa được xây dựng một cách khoa học.

- Tình giá nguyên vật liệu tại công ty
- Giá nguyên vật liệu nhập kho :

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá trị gốc. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

Giá thực tế		Giá mua		Chi phí		CKTM,
NVL nhập	=	ghi trên	+	thu mua	-	Giảm giá
kho		hóa đơn		thực tế		hàng mua

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn: là giá chưa có thuế GTGT.
- Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ... được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.

Chúng tôi sử dụng cho nghiệp vụ nhập kho nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ thanh toán khác

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho khi tổ chức bốc xếp vào kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên có liên quan. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

❖ ***Tính giá nguyên vật liệu xuất kho***

Hiện nay tại Công ty cổ phần xây dựng số 1 đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i}{\text{Trị giá thực tế xuất kho sau lần nhập } i} = \frac{\text{Trị giá thực tế xuất kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng thực tế xuất kho sau lần nhập } i}$$

$$\text{Trị giá vật liệu xuất dùng} = \text{Đơn giá bình quân} * \text{Số lượng vật liệu xuất kho}$$

Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho thi công các công trình. Khi đội trưởng các công trình có nhu cầu về nguyên vật liệu sẽ lập Phiếu yêu cầu cấp vật tư sau đó chuyển xuống cho phòng kế toán phiếu yêu cầu xin cấp vật tư đã được ký duyệt, kế toán căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuống

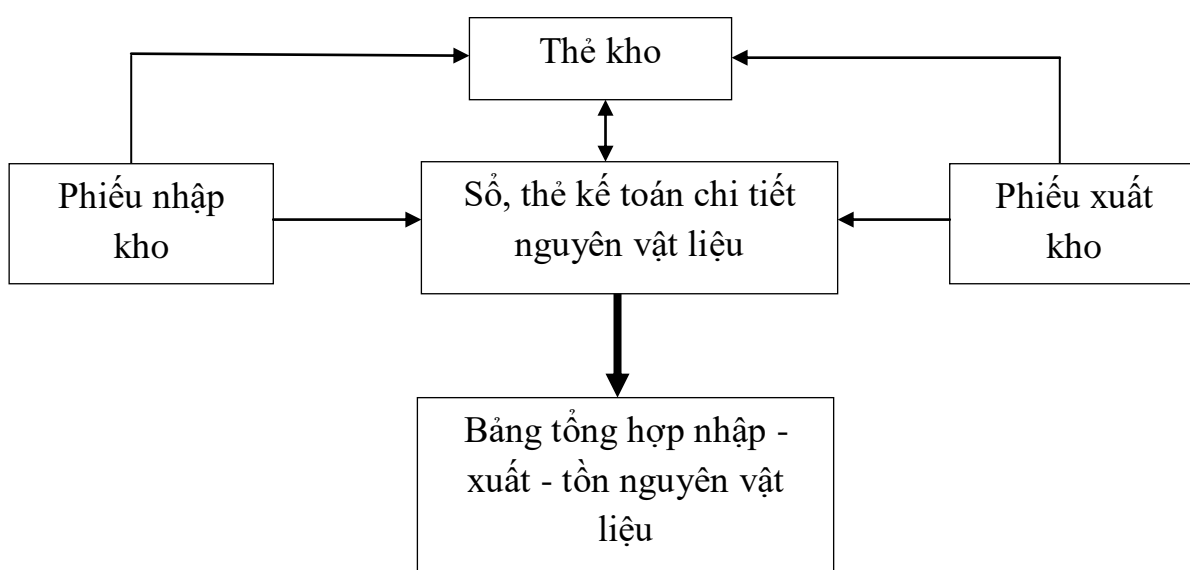
Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ.

2.2.2 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Vật liệu ở công ty cổ phần xây dựng số 1 rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu. tổ chức kế toán nguyên vật liệu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng nguyên vật liệu. Công ty cổ đã lựa chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.

Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1 được thể hiện qua sơ đồ sau :



Ghi chú :

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi cuối tháng : \longrightarrow

Đối chiếu kiểm tra : \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Ví dụ minh họa :

VD1 :

- Ngày 10/12/2017 Công ty mua vật liệu gồm: gạch Đồng Tâm, xi măng Hải Phòng, thép 8 của công ty TNHH vật liệu xây dựng Minh ngọc. Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu 2.1) và phiếu nhập kho (biểu 2.2), thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (biểu 2.6)

- Ngày 15/12/2017, theo phiếu yêu cầu cấp vật tư (biểu 2.3) được chuyển lên đã phê duyệt, kế toán viết phiếu xuất kho (biểu 2.4) gạch Đồng Tâm, xi măng Hải phòng, thép 8.

Trị giá xuất kho nguyên vật liệu tháng 12/2017 được tính như sau:

- Tồn đầu kỳ (1/12) : Trị giá tồn kho đầu kỳ:

- xi măng Hải Phòng = 1000 x 65.500 = 65.500

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ Ngày 10/12: Nhập kho Nguyên vật liệu

Trị giá nhập kho ngày 10/12

Xi măng Hải Phòng = 1000 x 63.050 = 63.050

+ ngày 15/12: Xuất kho xi măng cho công trình trường tiểu học Cát Bi

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân cho xi măng Hải Phòng ngày 15/12} &= \frac{1000 \times 65.500 + 1000 \times 63.050}{1000 + 1000} \\ &= 64.275 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Trị giá 100 bao xi măng Hải Phòng xuất kho = 64.275 x 100 = 6.427.500 đồng

Căn cứ vào phiếu xuất kho thủ kho vào thẻ kho

Kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – xi măng Hải Phòng

Cuối tháng, từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu dụng cụ

Biểu số 2.1

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Ký hiệu: **AA/17P**

Liên 2: Giao người mua
Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Số: 0009419

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Vật liệu xây dựng
Minh Ngọc

Địa chỉ: Số 242 Quán Nam, Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng

Số tài khoản: 40099862209999 tại Ngân hàng thương mại Á Châu - HP

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Thu

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Mã số thuế : 0200457555

Địa chỉ: số 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Số tài khoản: 004310851004 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

Hình thức thanh toán: CK

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3
1	Gạch lát Đồng Tâm	GLĐT	thùng	300	154.000	46.200.000
2	Xi măng Hải Phòng	XHP	bao	1000	63.050	63.050.000
3	Thép 8	S8	Kg	300	10.750	3.225.000
			Cộng tiền hàng:			112.475.000
	Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			11.247.500
			Tổng cộng tiền thanh toán:			123.722.500

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng.*

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán công ty Cổ phần xây dựng số 1)

Biểu số 2.2

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: Số 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2017

Nợ: 152

Số: 20.12

Có: 331

- Họ và tên người giao: Nguyễn Thị Ngọc
- Địa chỉ: Công ty cổ TNHH VLXD Minh Ngọc
- Theo HĐGTGT số 0009419 ngày 10 tháng 12 năm 2017
- Nhập tại kho: Kho nguyên vật liệu

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Gạch lát Đồng Tâm		Thùng	300	300	154.000	46.200.000
02	Xi măng Hải Phòng		Bao	1000	1000	63.050	63.050.000
03	Thép 8		Kg	300	300	10.750	3.225.000
	Cộng						112.475.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.*

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 10 tháng 12 năm 2019

Người lập phiếu	Người giao hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.3

Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: số 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP NGUYÊN VẬT LIỆU

Người nhận: Nguyễn Quang Vinh

Địa chỉ: Đội thi công số 2

Lý do sử dụng: sử dụng công trình trường tiểu học Cát Bi

STT	Tên vật tư	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Xi măng Hải Phòng		bao	100	

Hải phòng, ngày 15 tháng 12 năm 2017

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.4:

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1
 Địa chỉ: Số 88 Lương Khánh Thiện, Ngô
 Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
 Ban hành theo thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Số:25.12

Nợ : 621.3

Có : 152

- Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Quang Vinh
- Địa chỉ: Đội thi công số 2
- Lý do xuất kho: sử dụng công trình trường tiểu học Cát Bi

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xi măng Hải Phòng		bao	100	100	64.275	6.427.500
	Tổng						6.427.500

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu số 2.5: (Trích thẻ kho xi măng Hải Phòng)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: : số 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01 / 01 /2017

-Tên nhãn hiệu, quy cách nguyên vật liệu: xi măng Hải Phòng

Năm 2017

Đơn vị tính: bao

Số TT	Ngày, tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>1000</u>	
1	10/12	PN20.12		Nhập kho xi măng Hải Phòng	10/12	1000		2000	
2	15/12		PX25.12	Xuất cho công trình trường tiểu học Cát Bi	15/12		100	1900	
3	25/12	PN25.12		Nhập kho xi măng Hải Phòng	25/12	500		2400	
4	27/12	PN27.12		Nhập kho xi măng	27/12	400		2800	
							
				Cộng phát sinh		3000	500		
				Dư cuối tháng 12				<u>3500</u>	

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: : 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12/2017

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu.

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Xi măng Hải Phòng

Đơn vị tính: bao

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5= (1 x 4)	6	7= (1 x 6)	8
			Số dư đầu tháng 12		65.500					1000	65.500.000	
10/12	PN20.12	10/12	Nhập kho xi măng Hải Phòng	331	63.050	1000	63.050.000			1000	128.550.000	
15/12	PX25.12	15/12	Xuất xi măng HP cho trường tiểu học Cát Bi	621.3	64.275			100	6.427.500	1900	122.122.500	
25/12	PN25.12	25/12	Nhập kho xi măng	331	63.100	500	31.550.000			2400	153.672.500	
27/12	PN27.12	27/12	Nhập kho xi măng	331	63.100	400	25.240.000			2800	178.912.500	
							
			Cộng PS tháng 12			3000	191.691.000	500	31.948.500			
			Dư cuối tháng 12							3500	225.242.500	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ 2:

- Ngày 2 tháng 12 năm 2017 Công ty mua thép Pomina F65 của công ty TNHH Viha. Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu số 2.7) và phiếu nhập kho(biểu số 2.8) thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.11), kế toán vào sổ chi tiết vật liệu (biểu số 2.12)

- Ngày 03 tháng 12, theo phiếu yêu cầu cấp vật tư (biểu số 2.9) từ đội trưởng đội thi công số 3 đã được phê duyệt, kế toán viết phiếu xuất kho (biểu số 2.10) xuất 1000 kg thép F65

Trị giá xuất kho thép F65 tháng 12/2017 được tính như sau:

- Tồn đầu kỳ (1/12) : 2000 kg

Trị giá tồn kho đầu kỳ= 2000 x 9.780 = 19.560.000 đồng

- Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

+ ngày 02/12 : Nhập kho 1500 kg đơn giá 11.200 đồng

Trị giá nhập kho ngày 02/12

= 1500 x 11.200 = 16.800.000 đồng

+ ngày 03/12: Xuất kho 1000 kg thép thi công công trình khu nhà ở cao cấp Hoàng Huy Riverside

Đơn giá bình quân	19.560.000 + 16.800.000
	= <hr style="width: 80%; margin: 0 auto;"/>
Thép F65 xuất ngày 03/12	2000 + 1500
	= 10.389 đồng

Trị giá 1000 kg thép F65 xuất kho :

= 1000 x 10.389 = 10.389.000

Căn cứ vào phiếu xuất kho , thủ kho ghi vào thẻ kho, kế toán ghi vào sổ chi tiết thép Pomina F65

Cuối tháng từ các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa

Biểu số 2.7

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Liên 2: Giao người mua

Ký hiệu: **AA/17P**

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Số: 0001591

Đơn vị bán hàng: công ty TNHH Viha

Địa chỉ: Đông Phương – Kiến Thụy – Hải Phòng

Số tài khoản: 102010001004700 tại NH TMCP công thương Việt Nam CN-
Ngô Quyền

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Ngọc Thu

Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Mã số thuế : 0200457555

Địa chỉ: 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 004310851004 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Thép Pomina F65	Kg	1500	11.200	16.800.000
Cộng tiền hàng:					16.800.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		1.680.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					18.480.000

Số tiền viết bằng chữ: *Mười tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.*

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1
 Địa chỉ 88 Lương Khánh Thiện, Ngô
 Quyền, Hải Phòng

Mẫu số: 01 – VT
 Ban hành theo thông tư số
 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Nợ:152

Số: 02.12

Có:331

- Họ và tên người giao: Bùi Phú Chiến
- Địa chỉ:Công ty TNHH Viha
- Theo HĐGTGT số 0001591 ngày 02 tháng 12 năm 2017

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
01	Thép Pomina F65		Kg	1500	1500	11.200	16.800.000
	Cộng						16.800.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 02 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)

Biểu số 2.9

Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ

Người nhận: Lê Gia Phong

Địa chỉ: Đội thi công số 3

Lý do sử dụng: Thi công công trình nhà ở cao cấp Hoàng Huy Riverside

STT	Tên vật tư	Mã vật Tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thép Pomina F65	F65	Kg	1000	

Hải phòng, ngày 03 tháng 12 năm 2017

Phê duyệt

Người yêu cầu

Biểu số 2.10

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1
 Địa chỉ: 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền,
 Hải Phòng

Mẫu số: 02 – VT
Ban hành theo thông tư số
133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2017

Số: 03.12

Nợ : 621.2

Có : 152

- Họ và tên người nhận hàng :Lê Gia Phong
- Địa chỉ: Đội thi công số 3
- Lý do xuất kho: phục vụ thi công công trình khu Hoàng Huy Riverside

STT	Tên nguyên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép Pomina F65		Kg	1000	1000	10.389	10.389.000
	Cộng						10.389.000

-Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng.

-Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 03 tháng 12 năm 2017

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>	<i>(ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.11

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: : 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S12 – DN

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/01/2017

Năm 2017

-Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép

Pomina F65

-Đơn vị tính: Kg

Số TT	Ngày, tháng	SHCT		Diễn giải	Ngày N,X	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				<u>Tồn đầu tháng 12</u>				<u>2000</u>	
1	02/12	PN02.12		Nhập kho thép F65	02/12	1500		3500	
2	03/12		PX03.12	Xuất cho khu HoàngHuyRiverside	03/12		1000	2500	
3	08/12	PN08.12		Nhập kho thép F65	08/12	600		3100	
4	15/12		PX15.12	Xuất cho khu Vinhomes Marina	15/12		1500	1600	
			
				Cộng phát sinh tháng 12		12000	11500		
				Dư cuối tháng 12				<u>2500</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: : 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

**SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)
Tháng 12/2017**

Tên tài khoản: Nguyên vật liệu

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): Thép Pomina F65

Đơn vị tính: Kg

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu tháng 12		9.800					2000	19.560.000	
02/12	PN02.12	02/12	Nhập kho thép F65	331	11.200	1500	16.800.000			3500	36.360.000	
03/12	PX03.12	03.12	Xuất cho khu HoàngHuyRiverside	621.2	10.389			1000	10.389.000	2500	25.971.000	
08/12	PN08.12	08.12	Nhập kho thép F65	331	11.800	600	7.080.000			3100	33.051.000	
15/12	PX15.12	15.12	Xuất cho khu Vinhome Marina	621.4	10.662			1500	15.993.000	1600	17.058.000	
...
			Cộng PS T12			12000	127.935.000	11500	122.604.375			
			Dư cuối T12							2500	24.890.625	

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: : 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2017

STT	Tên vật liệu	Số tiền			
		Tồn đầu tháng	Nhập	Xuất	Tồn cuối tháng
A	B	1	2	3	4
1	Thép Pomina F65	19.560.000	127.935.000	122.604.375	24.890.625
2	Xi măng Hải Phòng	65.500.000	191.691.000	31.948.500	225.242.500
.....
13	Vôi công trình	2.450.000	117.000.000	115.050.000	4.400.000
.....
16	Gạch đỏ Phương Nam	92.680.000	95.250.000	96.500.000	91.430.000
.....
	Cộng	1.054.000.000	1.750.500.000	1.770.000.000	1.034.500.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

2.2.3 *Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1*

➤ Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo Nợ, giấy báo Có....

➤ Tài khoản kế toán sử dụng.

- TK 152 – “Nguyên vật liệu”
- TK 621 – “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”
 - +TK621.1 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình Làng Việt Kiều
 - +TK 621.2 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp khu nhà ở cao cấp Hoàng Huy Riverside
 - + TK 621.3 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp công trình trường tiểu học Cát Bi
 - + TK 621.4 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp khu Vinhomes Marina
- Các TK khác liên quan 133, 111, 112,331...

➤ Ví dụ minh họa :

Ví dụ 3 (tiếp ví dụ 1)

-Ngày 10/12/2017 Công ty mua 1000 bao xi măng Hải Phòng của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Minh Ngọc. Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho, kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung . Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 , sổ cái các tài khoản khác liên quan.

-Ngày 15/12/2017, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán vào sổ Nhật ký chung từ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152.

Ví dụ 4(tiếp VD2)

- Ngày 02 tháng 12 năm 2017 Công ty mua thép Pomina F65 của công ty Viha chưa thanh toán. Căn cứ vào hóa đơn GTGT và phiếu nhập kho kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung . Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 và sổ cái các tài khoản có liên quan.

- Ngày 03 tháng 12, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán vào sổ Nhật ký chung từ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 152 . Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK 152 với Bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu

Biểu số 2.14: (Trích sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2017)

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1

Địa chỉ: 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN

Ban hành theo thông tư số

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2017

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	SH TKĐU'	Số tiền	
	SH	NT				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang				
						
02/12	HĐ00015 91 PN02.12	02/12	Mua thép Pomina F65 nhập kho của công ty Viha chưa thanh toán		152 133 331	16.800.000 1.680.000	18.480.000
						
03/12	PX03.12	03/12	Xuất kho thép F65 cho công trình khu Hoàng Huy Riverside		621.2 152	10.389.000	10.389.000
						
10/12	HĐ0009419 PN 20.12	10/12	Mua xi măng Hải Phòng chưa thanh toán		152 133 331	63.050.000 6.305.000	69.355.000
						
15/12	PX25.12	15/12	Xuất kho xi măng cho CT trường tiểu học Cát Bi		621.3 152	6.427.500	6.427.500
						
28/12	HĐ0009768 PN28.12	28/12	Mua vôi nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt		152 133 111	2.000.000 200.000	2.200.000
						
			Cộng chuyển trang sau			815.156.233	815.156.233

Biểu số 2.15

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1
Địa chỉ: 88 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo thông tư số
133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của BTC

SỔ CÁI

Số hiệu tài khoản: 152
Tháng 12/2017

Đơn vị: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐ U	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12		<u>1.054.000.000</u>	
02/12	PN02.12	02/12	Mua thép F65 nhập kho của công ty Viha chưa thanh toán	331	16.800.000	
03/12	PX03.12	03/12	Xuất kho thép F65 cho công trình khu Hoàng Huy Riverside	621.2		10.389.000
					
10/12	PN20.12	10/12	Mua xi măng Hải Phòng nhập kho của công ty Minh Ngọc chưa thanh toán	331	63.050.000	
					
15/12	PX25.12	15/12	Xuất kho xi măng HP cho CT trường tiểu học Cát Bi	621.3		6.427.500
					
28/12	PX25.12	15/12	Mua vôi nhập kho đã thanh toán	111	2.000.000	
			Cộng phát sinh		<u>1.750.500.000</u>	<u>1.770.000.000</u>
			Dư cuối tháng 12		<u>1.034.500.000</u>	

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây dựng số 1****3.1.1. Ưu điểm**

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, gọn nhẹ phù hợp với quy trình sản xuất của công ty nên công việc kế toán luôn đảm bảo tính thống nhất chính xác và kịp thời, đảm bảo cung cấp thông tin cho nhà quản trị một cách hiệu quả.

Nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, quyết định sự sống còn của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp xây dựng. Tại Công ty cổ phần xây dựng số 1, nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các đội thi công công trình.

+ Đối với công tác thu mua: Công ty luôn chú trọng về vấn đề chất lượng, số lượng sao cho luôn đảm bảo công tác thu mua được xem xét cân đối giữa kế hoạch sản xuất và nhu cầu thực tế để đáp ứng kịp thời cho sản xuất kinh doanh, tránh ứ đọng vốn. Công ty đã làm tốt khâu lựa chọn nhà cung cấp, ký kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng nên số lượng vật tư được đảm bảo đúng yêu cầu sử dụng, không phát sinh những chi phí không cần thiết.

+ Đối với công tác dự trữ, bảo quản: Công ty có một hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguyên vật liệu và các thủ tục xuất, nhập cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn. Thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn tốt đảm bảo nguyên vật liệu được bảo quản trong kho giữ nguyên được phẩm chất, quy cách, đầy đủ về số lượng. Cùng với đó là công tác kiểm kê nguyên vật liệu cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng nguyên vật liệu.

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang áp dụng theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo nhanh chóng phản ánh tình hình biến động của công ty.

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp. Hệ thống sổ sách

báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ, phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

+ Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp ghi thẻ song song đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu.

+ Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên nên bất cứ thời điểm nào cũng tính được giá trị nhập, xuất, tăng, giảm, hiện có của nguyên vật liệu. Như vậy, công ty có điều kiện để quản lý tốt nguyên vật liệu và hạch toán chặt chẽ đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra kế toán tại công ty.

+ Trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, giữa phòng kế toán và thủ kho có sự phối hợp chặt chẽ: Thủ kho theo dõi, quản lý chi tiết nguyên vật liệu trên các thẻ kho, kế toán theo dõi chi tiết trên các sổ chi tiết nguyên vật liệu; hàng ngày nhân viên kế toán xuống kho để kiểm tra việc ghi chép của thủ kho và nhận các phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.

3.1.2. Hạn chế

*** Về việc ứng dụng phần mềm kế toán**

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán chỉ sử dụng Excel và máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót.

*** Công ty chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư**

Công ty cổ phần xây dựng số 1 là một công ty thi công công trình xây dựng, sửa chữa. Vì vậy, nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng và phong phú. Do đó, để phục vụ tốt cho nhu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động xây dựng tại công ty, đồng thời tiết kiệm thời gian đối chiếu giữa kho và phòng kế toán. Công ty cần lập sổ điểm danh nguyên vật liệu được phân chia chi tiết theo tính năng hóa lý, quy cách phẩm chất, đặc biệt được mã hóa thành hệ thống đảm bảo tính logic, thuận tiện việc tìm kiếm thông tin của nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất.

*** Về việc luân chuyển chứng từ**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các đội thi công, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên tuy nhiên các bộ phận phòng ban này không có biên bản giao nhận chứng từ nên rất dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát không quy được trách nhiệm cho ai. Dẫn đến tình trạng thiếu

trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ. Hơn nữa, việc tập hợp luân chuyển chứng từ không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa lên phòng Kế toán.

*** Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, giúp đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Đặc biệt là một Công ty có lượng nguyên vật liệu lớn, đa dạng phong phú về chủng loại, thì công tác lập dự phòng giảm giá càng nên được thực hiện.

3.2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1

Việc nghiên cứu đi sâu vào tìm hiểu để hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác nguyên vật liệu nói riêng cần phải tuân thủ những yêu cầu sau:

- Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của Nhà nước.

- Các thông tin về kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp yêu cầu; giúp cho các nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu. Đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

- Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nhưng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp (đặc điểm sản xuất kinh doanh, trình độ của các kế toán viên, tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp,...) phải đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Hoàn thiện nhưng phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích hoạt động của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu này, cùng với việc không ngừng tăng doanh thu, doanh nghiệp cần phải có các biện pháp hữu hiệu hạ thấp chi phí có thể được. Đây cũng là một nhu cầu tất yếu đặt ra với các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

3.2.1. Hoàn thiện việc hiện đại hóa công tác kế toán

Việc công ty áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán có những ưu điểm sau:

+ Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán.

- + Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hoá bộ máy kế toán của công ty.
- + Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao.
- + Tạo điều kiện cho Công ty dễ dàng kiểm soát các thông tin về tài chính kế toán.
- + Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về kết quả hoạt động của Công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ; đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của Nhà nước.
- + Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được nhất quán trong toàn Công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách chứng từ nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.
- + Thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng.giảm thiểu khối lượng công việc, tránh tình trạng thất thoát mang tính khách quan, tiết kiệm chi phí, đảm bảo công tác kế toán gọn nhẹ và hiệu quả cao. Đồng thời tạo nên sự đồng bộ về hệ thống sổ sách, tài khoản sử dụng, giảm thiểu được những sai sót tính toán, tiết kiệm thời gian ghi chép.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

1. Phần mềm kế toán MISA:

* Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhập dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở Misa mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác lưu và ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSQL SQL; .NET;..hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSQL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

* Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà sản xuất chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

Giá: 8.950.000đ



2. Phần mềm kế toán Fast Accounting

* Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

- Tốc độ xử lý rất nhanh

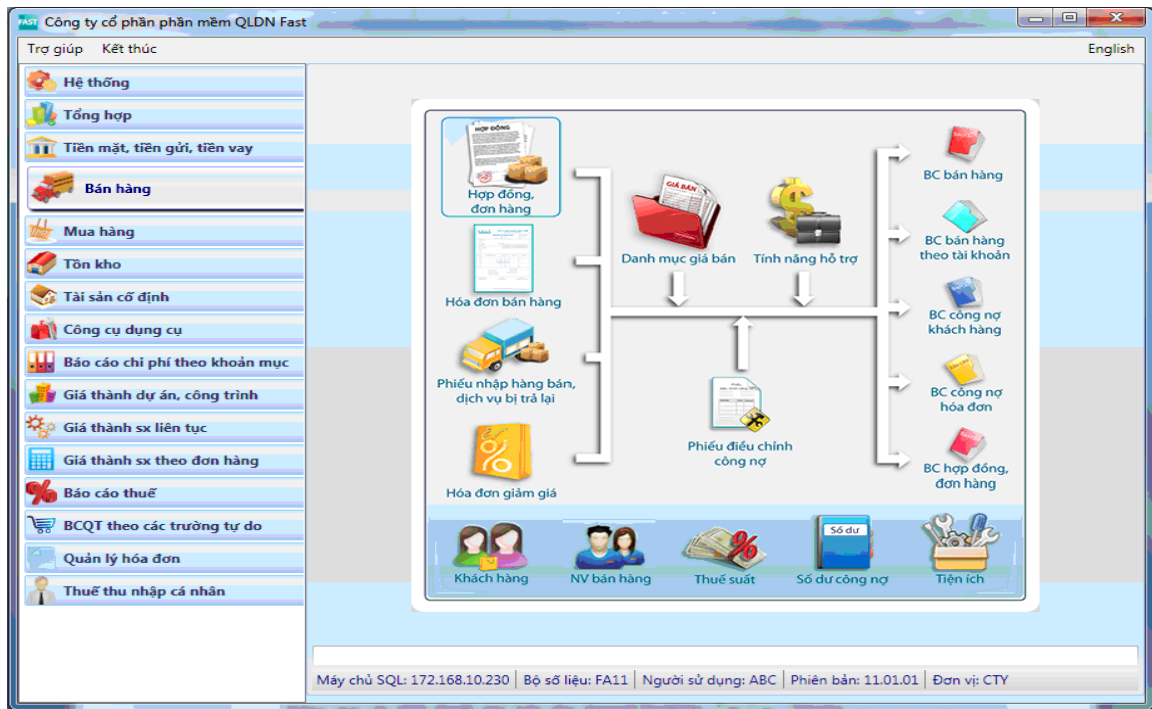
- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

* Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (Không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

Giá: 12.000.000đ



3. Phần mềm kế toán ABS

- Phù hợp với tất cả các công ty, đáp ứng đủ các loại hình: Thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất

- Có thể làm cho nhiều công ty, nhiều loại hình, tiện ích cho cả các đơn vị làm dịch vụ kế toán, cá nhân làm kế toán.

- Xử lý số liệu tốc độ nhanh, chính xác: sử dụng cơ sở dữ liệu SQL Server; có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN; Sao lưu dữ liệu để dự phòng, khôi phục dữ liệu để đảm bảo an toàn.

- Cập nhật báo cáo thuế, báo cáo tài chính qua HTKK 3.X, theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra...

- Giao diện dễ nhìn dễ sử dụng, thao tác ngắn gọn nhanh chóng ...

- Sẽ tư vấn, giới thiệu tận nơi miễn phí ...

- Phần mềm luôn cập nhật báo cáo, sổ sách kế toán theo quyết định, luật mới nhất.



Theo em công ty nên lựa chọn phần mềm MISA vì đây là phần mềm có những tính năng rất phù hợp với công ty và giá cả hợp lý.

3.2.2. Hoàn thiện về việc lập sổ danh điểm vật tư

Công ty cổ phần xây dựng số 1 là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thi công công trình nên nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Với đặc điểm sản xuất và nguyên vật liệu như hiện tại, theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn. Khi có sổ danh điểm việc ghi chép của kế toán sẽ thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý nguyên vật liệu trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất và khoa học hơn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên và sử dụng các tiêu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiểu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Ngoài ra sau khi đã hạch toán nguyên vật liệu theo tiểu khoản giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo sản xuất cũng như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp sẽ được chi tiết theo từng nhóm nguyên vật liệu. Như vậy quá trình xác định và hạch toán chi phí nguyên vật liệu khi tính giá thành sản phẩm sẽ được cụ thể hóa theo từng nguyên vật liệu với chức năng, vai trò riêng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu, giảm chi phí nguyên vật liệu hay có thể so sánh chi tiết từng loại nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm giữa các kỳ.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- + Dựa vào nhóm vật liệu;
- + Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
- + Dựa vào số thứ vật liệu có trong mỗi nhóm, loại;
- + Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ.

Trong mỗi nhóm nguyên vật liệu sẽ sử dụng chữ cái để chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu giúp cho việc theo dõi dễ dàng hơn. Trên cơ sở đó, việc quản lý nguyên vật liệu sẽ được tiến hành một cách khoa học và chặt chẽ.

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521-A: Gạch

TK 1521-A1: gạch Đồng Tâm

TK 1521-A2: Gạch Phương Nam

TK 1521-A3: Gạch Đông Dương

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522-A: Vôi

TK 1522-A1: Vôi bột loại A

TK 1522-A2 : Vôi bột loại B

.....

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1523-A: Dầu

TK 1523-B: Xăng

.....

TK 1524: Nhóm phụ tùng thay thế

TK 1525: Nhóm phế liệu thu hồi

Theo em, để tiện theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh điểm vật tư như sau :

Biểu số 3.1: Sổ danh điểm vật tư

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-A		Gạch		
		1521-A1	Gạch Đồng Tâm	thùng	
		1521-A2	Gạch Phương Nam	thùng	
		1521-A3	Gạch Đông Dương	thùng	
....
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-A		Vôi		
		1522-A1	Vôi bột loại A	Bịch/kg	
		1522-A2	Vôi bột loại B	Bịch/kg	
....	
1523			Nhiên liệu		
...
1524			Phụ tùng thay thế		
...
1525			Phế liệu thu hồi		

- Mở sổ danh điểm vật tư phải có sự kết hợp nghiên cứu của phòng kế toán , các phòng ban liên quan sau đó trình lên ban lãnh đạo của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng trong toàn công ty. Cụ thể:

-Hệ thống chứng từ liên quan đến danh điểm vật tư (phiếu nhập kho, phiếu xuất kho) phải bổ sung danh điểm của từng vật tư

-Hệ thống sổ sách kế toán như sổ chi tiết vật liệu, sổ chi tiết chi phí, thẻ kho, Bảng tổng hợp nhập xuất tồn cũng chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

-Khi công ty xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư thì việc theo dõi, kiểm tra vật tư được dễ dàng hơn rất nhiều và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán khi công ty hiện đại hóa công tác kế toán. Khi áp dụng phần mềm kế toán, hệ thống danh điểm vật tư này sẽ được khai báo trong danh mục vật tư và số liệu về từng danh điểm vật tư có thể được truy xuất dễ dàng trên phần mềm, giúp ban lãnh đạo có thể đưa ra hướng giải quyết kinh doanh phù hợp.

3.2.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu 3.2

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày tháng			Người giao	Người nhận

3.2.4. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát hợp với giá thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

Đối tượng lập dự phòng bao gồm nguyên vật liệu dùng cho sản xuất (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển,...), sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang (hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

+ Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

+ Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp nguyên vật liệu có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm dịch vụ được sản xuất từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì không được trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho đó.

+ Phương pháp lập dự phòng: Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng tổn thất tài sản” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho

Nội dung và kết cấu tài khoản 229

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết;

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên Có:

Sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Linh

Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 229 - Dự phòng tổn thất tài sản có 4 tài khoản cấp 2 :

Tài khoản 2291 - Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Tài khoản 2292 - Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

Tài khoản 2293 - Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

Tài khoản 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

• **Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.**

a) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

b) Khi lập Báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán.

c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 2294 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152, 153, 155, 156.

Ví dụ:

Cuối năm 2017 giá xi măng Chifon trên thị trường chỉ còn 70.000/bao. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là: 75.000/ bao, trong kho còn dự trữ 200 bao, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho nguyên liệu này:

Mức giảm giá xi măng Chifon: $75.000 - 68.450 = 6.550$ đồng/bao

Mức trích lập dự phòng: $6.550 \text{ đồng} \times 2000 \text{ bao} = 13.100.000$ đồng

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu:

Biểu số 3.3: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BẢNG KÊ CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Năm 2017

Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Giá ghi sổ	Giá thị trường	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
Xi măng Chifon	Bao	2000	75.000	68.450	6.550	13.100.000
Gạch đồng tâm 17	Thùng	300	163.000	140.000	23.000	6.900.000
Xi măng Hải Phòng	Bao	2000	65.500	62.100	3.400	6.800.000
Cát vàng	Khối	1000	82.064	78.061	4.003	4.003.000
Đá 1x2	M3	1000	127.100	98.500	28.600	28.600.000
Đá mi sàng	M3	1000	267.300	230.000	37.300	37.300.000
Cộng						96.703.000

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 96.703.000

Có TK 2294: 96.703.000

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.

3.2.5. Một số giải pháp khác

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới.
- Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời.
- Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng.
- Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban.
- Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hoá công tác kế toán, tăng hiệu quả công việc.
- Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc.
- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

KẾT LUẬN

Đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1*” đã đề cập được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

Về mặt lý luận: Đưa ra những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên vật liệu và kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

❖ **Về mặt thực tiễn:**

- ✓ Phản ánh thực trạng về tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1 với số liệu năm 2017.
- ✓ Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng số 1
 - Công ty nên lập sổ danh điểm vật tư
 - Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán
 - Công ty nên lập Sổ giao nhận chứng từ
 - Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây dựng số 1 em đã học hỏi được nhiều điều bổ ích, những kinh nghiệm thực tế về kiến thức chuyên môn, giúp em hiểu sâu hơn về công tác kế toán. Một lần nữa, em xin gửi lời biết ơn chân thành và sâu sắc nhất đến giảng viên hướng dẫn - Ths Nguyễn Thị Mai Linh, ban lãnh đạo và phòng kế toán Công ty cổ phần xây dựng số 1 đã giúp em rất nhiều để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này. Mặc dù đã cố gắng với hết khả năng của mình, nhưng do kiến thức lý luận và thực tế hiểu biết chưa nhiều nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Em rất mong được tiếp thu và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp và chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Nguyễn Thị Thùy Linh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty cổ phần xây dựng số 1 (2017), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.